TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/HNGĐ - PT
Ngày 11- 8 - 2022
"V/v: Tranh chấp Ly hôn,
chia tài sản chung, nợ chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Phượng

Các Thẩm phán: Ông Hồ Văn Luông

Bà Trịnh Thị Bích Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hol – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Nguyễn Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Trong ngày 11 tháng 8 năm 2022, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 12/2022/TLPT - HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung và nợ chung".

Do Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 31/2022/HNGĐ - ST ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 12/2022/QĐ - PT ngày 14 tháng 7 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2022/QĐ – PT ngày 28 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Huỳnh Hồng Q, sinh năm 1964 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp O, xã B, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Bà Đặng Thanh P, sinh năm 1987 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp O, xã B, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

3.1. Ngân hàng C

Trụ sở: Phố Đ, phường L, quận M, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết R - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp (theo văn bản ủy quyền số 7300/QĐ – NHCS ngày 19/9/2019): Ông Lý Ngọc H1 – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội – Chi nhánh huyện P, tỉnh Hậu Giang (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

3.2. Bà Nguyễn Thị Ngọc H (mẹ bà P), sinh năm 1963 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp O, xã B, huyện P, tỉnh Hậu Giang

3.3 Ông Huỳnh Văn B (cha anh Q), sinh năm 1954 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp O, xã B, huyện P, tỉnh Hậu Giang

3.4. Ông Huỳnh Văn K (em anh Q), sinh năm 1988 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp O, xã B, huyện P, tỉnh Hậu Giang

3.5. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1983 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp O, xã B, huyện P, tỉnh Hậu Giang

3.6. Bà Đặng Thị U, sinh năm 1978 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp O, xã B, huyện P, tỉnh Hậu Giang

3.7. Ông Nguyễn Văn Nam (chồng bà U), sinh năm 1973 (Có mặt) .

Địa chỉ: Ấp O, xã B, huyện P, tỉnh Hậu Giang

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Đặng Thanh P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn ông Huỳnh Hồng Q trình bày: Vào năm 2002, Ông Q và bà Đặng Thanh P chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 10/9/2008 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do ông bà không còn tin tưởng và yêu thương nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống và kinh tế gia đình, từ đó dẫn đến mất hạnh phúc nên vợ chồng ông đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay.

Về con chung: Có 02 con chung là Huỳnh Thị Trúc L, sinh ngày 22/02/2003 (giới tính nữ) và Huỳnh Thị Ngọc N, sinh ngày 31/01/2008 (giới tính nữ), hiện tại đang sống cùng với ông Q.

Về tài sản chung: Có một căn nhà cấp 4 xây dựng năm 2015 trên phần đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS01776, thuộc thửa 279, tờ bản đồ

số 15, toạ lạc tại: ấp O, xã B, huyện P, tỉnh Hậu Giang, diện tích 481,5 m2, loại đất cây lâu năm, do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Hậu Giang cấp ngày 23/11/2017 cho ông Huỳnh Hồng Q (đất nhận chuyển nhượng năm 2014).

Về nợ chung: Nợ ông Huỳnh Văn B 05 chỉ vàng 24K; nợ ông Huỳnh Văn K 45.000.000 đồng và nợ ông Nguyễn Văn M 18.000.000 đồng. Tại phiên tòa ông Q thừa nhận có tham gia 01 dây hụi mùa 3.000.000 đồng do bà Đặng Thị U làm chủ hụi. Ngoài ra không còn nợ ai khác.

Nay ông Q yêu cầu được ly hôn với bà P; Về con chung: Có 02 con chung là Huỳnh Thị Trúc Linh, sinh ngày: 22/02/2003 và Huỳnh Thị Ngọc Hân, sinh ngày 31/01/2008, hiện tại ông Q đang nuôi dưỡng. Ông Q yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: giá trị tài sản 400.000.000 đồng, nếu bà P yêu cầu chia thì ông Q yêu cầu để cho 02 con 100.000.000 đồng, còn lại chia đôi để trả nợ; Về nợ chung: Yêu cầu chia đôi trả nợ cho ông Huỳnh Văn B 05 chỉ vàng 24K; trả cho Huỳnh Văn K 45.000.000 đồng và trả cho ông Nguyễn Văn M 18.000.000 đồng. Đối với 01 dây hụi của bà U, ông Q kêu hốt, nhưng bà U đã trừ nợ hụi của bà P nên bà P có trách nhiệm trả. Còn các khoản nợ khác ông Q không biết nên không đồng ý trả.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Đặng Thanh P trình bày: Bà P thừa nhận về quan hệ hôn nhân; con chung và tài sản chung như ông Huỳnh Hồng Q trình bày.

Về nợ chung: Ngoài số nợ ông Huỳnh Văn B 05 chỉ vàng 24K; nợ ông Huỳnh Văn K 45.000.000 đồng, nợ ông Nguyễn Văn M 15.000.000 đồng, thì còn các khoản nợ chung khác như sau:

- Ngày 10/6/2015 bà P và ông Q có vay của Ngân hàng Chính sách xã hội – Phòng giao dịch huyện P số tiền 15.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, đến nay vẫn chưa trả gốc lãi cho ngân hàng.

- Ngày 17/01/2017 bà P và ông Q có mượn bà Nguyễn Thị Ngọc H (mẹ bà P) 01 công đất tầm 3m đất ruộng (theo đo đạc thực tế có diện tích 2.332,9 m^2), mục đích để cầm cố phần đất này cho bà Đặng Thị U (cô ruột bà P) và vay số tiền 40.000.000 đồng, thời hạn cầm cố đất là 01 năm, hai bên có viết giấy tay.

- Nợ bà Đặng Thị U tổng cộng 269.420.000 đồng, trong đó nợ tiền cố đất năm 2015 là 40.000.000 đồng, nợ 05 dây hụi mở từ năm 2013 đến năm 2017 với số tiền: 207.000.000 đồng và năm 2017 bà U có nộp tràng hụi thay với số tiền

4.050.000 đồng, nợ tiền mua tạp hoá năm 2015 là 3.370.000 đồng và nợ tiền vay ngày 05/10/2016 là 15.000.000 đồng.

Nay ông Q yêu cầu ly hôn, bà P cũng thống nhất ly hôn; Về con chung: Huỳnh Thị Trúc L, sinh ngày: 22/02/2003 và Huỳnh Thị Ngọc N, sinh ngày: 31/01/2008, hiện tại ông Q đang nuôi dưỡng, bà P đồng ý để ông Q tiếp tục nuôi dưỡng, bà P không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: giá trị tài sản 400.000.000 đồng gồm căn nhà cấp 4, đất và cây trồng bà P đồng ý để ông Q quản lý toàn bộ, bà P yêu cầu nhận ½ giá trị bằng tiền. Tuy nhiên ngày 22/10/2020 bà P và ông Q có đơn rút yêu cầu chia tài sản chung, để ông bà tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết; Về nợ chung: đối với số nợ ông Huỳnh Văn B 05 chỉ vàng 24K; nợ ông Huỳnh Văn K 45.000.000 đồng đề nghị ông Q có trách nhiệm trả toàn bộ vì trước đây bà P đã tự nhận trả nợ chung hơn 100.000.000 đồng và đã được Toà án giải quyết. Nợ ông Nguyễn Văn M 15.000.000 đồng; nợ ngân hàng chính sách xã hội 15.000.000 đồng; việc mượn đất của bà Nguyễn Thị Ngọc H để cầm cố vay 40.000.000 đồng và các khoản nợ của bà Đặng Thị U thì ông Q đều biết, do đó yêu cầu chia ½ trả, riêng khoản nợ hụi mùa 3.000.000 đồng bà Đặng Thị U làm chủ hụi mà ông Q tham gia thì bà P không biết, đề nghị ông Q tự chịu trách nhiệm trả số nợ này theo yêu cầu của bà U.

Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng C – Phòng giao dịch huyện P có đơn yêu cầu độc lập ngày 31/7/2020 trình bày: Ngày 10/6/2015 bà Đặng Thanh P có đại diện gia đình (người thừa kế là ông Huỳnh Hồng Q) đứng tên vay tiền tại Ngân hàng chính sách xã hội – Phòng giao dịch huyện P, số tiền vay là 15.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 6600000704567506, vay cải tạo vườn, thời hạn vay 36 tháng, không có thế chấp tài sản tại Ngân hàng. Hiện nay vợ chồng bà P và ông Q ly hôn với nhau. Ngân hàng yêu cầu bà P và ông Q trả cho Ngân hàng tổng số nợ là 18.666.968 đồng, trong đó nợ gốc 15.000.000 đồng, nợ lãi 3.666.968 đồng (lãi tính đến ngày 31/7/2020). Tuy nhiên đến ngày 01/02/2021 Ngân hàng có đơn xin rút yêu cầu độc lập và đề nghị Tòa án chấp nhận cho Ngân hàng được vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Huỳnh Văn B trình bày: Vào năm 2015 ông B có cho vợ chồng ông Q – bà P vay 05 chỉ vàng 24K, mục đích bơm cát cất nhà, không tính lãi, không nói thời hạn trả và không làm biên nhận. Nay ông B yêu cầu ông Q và bà P trả số nợ là 05 chỉ vàng 24K.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: ông Huỳnh Văn K trình bày:

Vào năm 2015 ông K có cho vợ chồng ông Q – bà P vay 45.000.000 đồng, mục đích vay để cất nhà, không tính lãi, không nói thời hạn trả và không làm biên nhận. Nay ông K yêu cầu ông Q và bà P trả số nợ là 45.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Nguyễn Văn M trình bày: Vào năm 2015 ông M có cho vợ chồng ông Q – bà P vay 18.000.000 đồng, mục đích bơm cát cất nhà, không tính lãi, không nói thời hạn trả và không làm biên nhận. Nay ông M yêu cầu ông Q và bà P trả số nợ là 18.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Nguyễn Thị Ngọc H trình bày: Ngày 17/01/2017 bà H có cho bà P và ông Q mượn 01 công đất tầm 3m đất ruộng (theo đo đạc thực tế có diện tích 2.332,9 m2), mục đích để bà P và ông Q cầm cố phần đất này cho bà Đặng Thị U để vay số tiền 40.000.000 đồng, thời hạn cầm cố đất là 01 năm, hai bên có viết giấy tay. Tuy nhiên đến nay bà P và ông Q chưa chuộc phần đất trên để trả cho bà H, nên bà H yêu cầu bà P và ông Q chuộc đất trả lại cho bà H. Tại biên bản hòa giải ngày 02/10/2020 (bl 154-156) và tại phiên tòa bà H yêu cầu ông Q, bà P trả cho bà H số tiền 40.000.000 đồng để bà H tự liên hệ với bà Đặng Thị U chuộc lại đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Đặng Thị U trình bày: Ngày 17/01/2017, bà P và ông Q có cố cho bà U 01 công đất tầm 3m đất ruộng (theo đo đạc thực tế có diện tích 2.332,9 m2), đất này là của bà Nguyễn Thị Ngọc H (mẹ bà P), khi cố có sự đồng ý của bà H, mục đích để bà P và ông Q vay số tiền 40.000.000 đồng, thời hạn cầm cố đất là 01 năm, hai bên có viết giấy tay. Nay thời hạn cầm cố đã hết nhưng ông Q và bà P vẫn chưa chuộc lại đất.

Từ năm 2013 đến năm 2017 bà Đặng Thị U có mở 05 dây hụi, có sự tham gia của vợ chồng bà P – ông Q, đã hốt hụi nhưng chưa đóng hụi chết đầy đủ cho bà U, tổng cộng 05 dây hụi ông Q và bà P nợ số tiền 207.000.000 đồng, trong đó có 01 dây hụi mùa 3.000.000 đồng ông Q tham gia đã kêu hốt được 36.600.000 đồng, nhưng không đóng hụi chết, dây hụi này ông Q nợ số tiền 72.000.000 đồng.

Năm 2017, bà U có tràn hụi cho ông Q và bà P số tiền 4.050.000 đồng, đến nay chưa trả

Khoảng năm 2015 ông Q và bà P có mua đồ tạp hoá của bà U còn nợ số tiền 3.370.000 đồng

Ngày 05/10/2016 ông Q và bà P có vay số tiền 15.000.000 đồng, không làm biên nhận, nhưng bà P có thừa nhận

Tổng cộng nợ 269.420.000 đồng, trong đó nợ tiền cố đất năm 2015 là 40.000.000 đồng, nợ 05 dây hụi mở từ năm 2013 đến năm 2017 với số tiền: 207.000.000 đồng (trong đó ông Q nợ hụi riêng là 72.000.000 đồng) và năm 2017 bà U có nộp tràn hụi thay với số tiền 4.050.000 đồng, nợ tiền mua tạp hoá năm 2015 là 3.370.000 đồng và nợ tiền vay ngày 05/10/2016 là 15.000.000 đồng. Tuy nhiên tại phiên toà bà U rút yêu cầu đối với số tiền cố đất 40.000.000 đồng.

Tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 31/2022/HNGĐ - ST ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Hậu Giang đã tuyên xử như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của bà Đặng Thanh P

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Huỳnh Hồng Q và bà Đặng Thanh P.

Về con chung: Ông Huỳnh Hồng Q được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Huỳnh Thị Ngọc N, sinh ngày 31/01/2008 (giới tính nữ) cho đến khi trưởng thành (tròn 18 tuổi). Bà Đặng Thanh P chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom và chăm sóc con chung cho bà P không ai được cản trở. Đối với cháu Huỳnh Thị Trúc L, sinh ngày 22/02/2003 đã trưởng thành (tròn 18 tuổi), nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung: Bà P và ông Q tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về nợ:

- Đình chỉ yêu cầu độc lập của Ngân hàng C

- Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Huỳnh Văn B, anh Huỳnh Văn K, ông Nguyễn Văn M.

- Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Ngọc H, bà Đặng Thị U.

- Đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Đặng Thị U về việc yêu cầu ông Q và bà P trả số tiền 40.000.000 đồng để chuộc lại 01 công đất tầm 3m.

Buộc ông Huỳnh Hồng Q có trách nhiệm trả cho ông Huỳnh Văn B 2,5 chỉ vàng 24K (98%), trả cho ông Huỳnh Văn K số tiền 22.500.000 đồng, trả cho ông Nguyễn Văn M 10.500.000 đồng, trả cho bà Đặng Thị U số tiền 72.000.000 đồng.

Buộc bà Đặng Thanh P có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn B 2,5 chỉ vàng 24K (98%), trả cho ông Huỳnh Văn K số tiền 22.500.000 đồng, trả cho ông Nguyễn Văn M 7.500.000 đồng, trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc H số tiền 40.000.000 đồng, trả cho bà Đặng Thị U số tiền 157.420.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo qui định.

Ngày 26/4/2022, bị đơn bà Đặng Thanh P có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, buộc ông Huỳnh Hồng Q phải chịu trách nhiệm trả nợ ông Huỳnh Văn B là 05 chỉ vàng 24K, ông Huỳnh Văn K là 45.000.000 đồng và bà Đặng Thị U số tiền tràn hụi là 4.050.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, không có ai cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng qui định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đặng Thanh P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*

Nguyên đơn ông Huỳnh Hồng Q khởi kiện ly hôn với bị đơn bà Đặng Thanh P và chia tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân. Bị đơn cư trú tại Ấp O, xã B, huyện P, tỉnh Hậu Giang nên Tòa án nhân dân huyện P thụ lý, giải quyết với quan hệ pháp luật "Tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung và nợ chung" là đúng qui định tại các Điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/4/2022, bị đơn bà Đặng Thanh P có đơn kháng cáo đúng qui định tại các Điều 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] *Về nội dung*

Xét kháng cáo của bị đơn bà Đặng Thanh P buộc ông Huỳnh Hồng Q phải chịu trách nhiệm trả nợ ông Huỳnh Văn B là 05 chỉ vàng 24K, ông Huỳnh Văn K là 45.000.000 đồng và bà Đặng Thị U số tiền tràn hụi là 4.050.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] *Đối với phần nợ của ông Huỳnh Văn B và ông Huỳnh Văn K*

Theo hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm ông Q và bà P đều thừa nhận phần nợ của ông B, ông K là nợ chung của ông Q với bà P mặt khác quá trình xác lập giao dịch đều có sự tham gia của ông Q và bà P.

Tại phiên tòa hôm nay, bà P cũng không cung cấp được chứng cứ gì khác để chứng minh phần nợ này là phần nợ riêng của ông Q.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 27, khoản 1 Điều 60 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định:

Giao dịch dân sự phát sinh từ giao dịch do vợ chồng cùng thỏa thuận xác lập, thì vợ chồng có trách nhiệm liên đới trả. Do vậy, nghĩa vụ trả nợ cho ông Huỳnh Văn B, ông Huỳnh Văn K là nghĩa vụ chung của ông Q và bà P.

Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào các chứng cứ chứng minh trong vụ án và đối chiếu với quy định của pháp luật để buộc ông Q và bà P phải cùng nhau chịu trách nhiệm liên đới đối với khoản nợ của ông B, ông K là hoàn toàn phù hợp nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà P.

[2.2] *Đối với phần tiền mà bà Đặng Thị U tràn hụi là 4.050.000 đồng*

Bà P thừa nhận bà U có tràn hụi số hụi là 4.050.000 đồng nhưng ông Q không biết, không thừa nhận, bà U và bà P cũng không có chứng cứ chứng minh việc ông Q có tham gia vào các giao dịch trong việc phát sinh các khoản nợ này

nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà P có trách nhiệm trả cho bà U tổng số tiền 4.050.000 đồng là phù hợp.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do kháng cáo của bà Đặng Thanh P không được chấp nhận nên bà P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về qui định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Đặng Thanh P

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Về nợ:

Buộc ông Huỳnh Hồng Q có trách nhiệm trả cho ông Huỳnh Văn B 2,5 chỉ vàng 24K (98%), trả cho ông Huỳnh Văn K số tiền 22.500.000 đồng, trả cho ông Nguyễn Văn M 10.500.000 đồng, trả cho bà Đặng Thị U số tiền 72.000.000 đồng.

Buộc bà Đặng Thanh P có trách nhiệm trả cho ông Huỳnh Văn B 2,5 chỉ vàng 24K (98%), trả cho ông Huỳnh Văn K số tiền 22.500.000 đồng (hai mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng), trả cho ông Nguyễn Văn M 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng), trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc H số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng), trả cho bà Đặng Thị U số tiền 157.420.000 đồng (một trăm năm mươi bảy triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí phúc thẩm:

Buộc bà Đặng Thanh P phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà P đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00008064 ngày 26/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

3. Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 11/8/2022).

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND H. P;
- Chi cục THADS H. P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Phượng